

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24/4/2018

“V/v ly hôn”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Tôn Minh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đình Ghi.
2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Vũ Quang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phương Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H (60 Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 450/2017/ TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương N, sinh năm 1983; trú tại: đường L, thôn Đ, phường B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ liên lạc: đường K, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế - có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; trú tại: đường L, thôn Đ, phường B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2017 của chị Nguyễn Thị Phương N và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương N và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện sau thời gian tìm hiểu 1 năm, được gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và anh T, chị N đã đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố H vài ngày 29/9/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng sống ở nhà cha mẹ anh T tại đường L, thôn Đ, phường Thủy Biều, thành phố H. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc được khoảng 6 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ham chơi, thường xuyên ăn nhậu say xỉn, đánh vợ, đánh con, vì vậy

anh T và chị N sống không hạnh phúc. Tháng 02/2013, do mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng nên chị N bỏ về nhà bố mẹ ruột để sinh sống tại đường K, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vì vợ chồng sống không còn hạnh phúc, chị N không còn tình cảm với anh T nữa, nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị N, anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Cát R, sinh ngày 31/3/2007 và cháu Nguyễn Văn Tuấn U, sinh ngày 03/8/2008, chị N xin trực tiếp nuôi 02 con chung đến trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn (anh Nguyễn Văn T): Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho anh T, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập lần thứ hai cho anh T đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh T vắng mặt.

Phía gia đình anh T khai: Không biết rõ mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, nhưng có thấy chị N và anh T hay cãi nhau, đôi khi có đánh nhau, mỗi lần như vậy chị N đều bỏ về gia đình bố mẹ đẻ để sinh sống, tài sản chung và nợ chung không có gì. Các giấy tờ Tòa án giao, gia đình đã thông báo đưa tận tay ngay cho anh T biết và anh T trả lời việc chị N yêu cầu ly hôn tùy Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các quy định pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N và giao 02 cháu Nguyễn Ngọc Cát R và cháu Nguyễn Văn Tuấn U cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không đóng góp tiền nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự:

Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn T lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương N và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố H vào ngày 29/9/2006 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh T ham chơi, thường xuyên ăn nhậu say xỉn, xúc phạm vợ con. Từ

tháng 02/2013 đến nay anh T, chị N đã sống ly thân. Vì vậy, chị N không còn tình cảm yêu thương anh T nữa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh T đến trình bày ý kiến và hòa giải, nhưng anh T không đến. Điều này cho thấy anh T không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân của mình nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị N được ly hôn anh T.

Về con chung: Hai cháu Nguyễn Ngọc Cát R, sinh ngày 31/3/2007 và cháu Nguyễn Văn Tuấn U, sinh ngày 03/8/2008 đang sống với mẹ, ly hôn các cháu có nguyện vọng ở với mẹ và chị N xin trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị có thu nhập ổn định, anh Trường không có nghề nghiệp. Xét thấy nguyện vọng của chị N, cháu R và cháu U là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác nhận không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Phương N phải chịu 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTWQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Phương N được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2/ Về nuôi con chung: Giao hai cháu Nguyễn Ngọc Cát R, sinh ngày 31/3/2007 và cháu Nguyễn Văn Tuấn U, sinh ngày 03/8/2008 cho chị Nguyễn Thị Phương N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Anh T không phải đóng góp tiền nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Phương N không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Phương N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng nhưng chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số AA/2013/ 003114 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H nên không phải nộp.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân

sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- UBND P B, Huế;
- Đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Minh Hiền